

SỞ Y TẾ TÂY NINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TÂY NINH



HỒ SƠ CÔNG BỐ

CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
ĐÁP ỨNG YÊU CẦU LÀ CƠ SỞ
HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

Tây Ninh, năm 2024

Số: 02/BCB-BVĐK

Tây Ninh, ngày 02 tháng 5 năm 2024

BẢN CÔNG BỐ
CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU
LÀ CƠ SỞ HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

Kính gửi: Sở Y tế Tây Ninh

Tên cơ sở hướng dẫn thực hành: BỆNH VIỆN ĐA KHOA TÂY NINH

Số Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh: Số 21/2017/TNI-GPHĐ,
do Sở Y tế Tây Ninh cấp ngày 13/01/2023.

Địa chỉ: Số 626, đường 30/4, P.3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn:

BS CKII. TRANG ANH DŨNG – Phó Giám đốc Bệnh viện

Điện thoại liên hệ: 0276.3822145 - 0276.3825863

Email: bvdakhoatayninh@gmail.com – Website: bvdktayninh.ytetayninh.vn



Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. ĐỐI TƯỢNG HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH:

1.1. Bác sĩ: Y khoa, Y học cổ truyền, Phục hồi chức năng, Răng - Hàm - Mặt, Hồi sức tích cực chống độc, Nội khoa, Nhi khoa, Nội tiết, Gây mê hồi sức, Ngoại khoa, Phụ sản, Mắt, Tai - Mũi - Họng, Chẩn đoán hình ảnh.

1.2. Y sĩ: đa khoa, Y sĩ y học cổ truyền, Kỹ thuật Phục hồi chức năng,

1.3. Điều dưỡng.

1.4. Hộ sinh.

1.5. Tâm lý lâm sàng

1.6. Kỹ thuật Y học: Xét nghiệm, Hình ảnh y học, Phục hình răng, Khúc xạ nhãn khoa.

2. DANH SÁCH NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH: (Có phụ lục đính kèm).

3. CÁC NỘI DUNG THỰC HÀNH ĐƯỢC KÝ HỢP ĐỒNG HỢP TÁC VỚI CƠ SỞ THỰC HÀNH KHÁC (nếu có): Không.

4. SỐ LƯỢNG NGƯỜI THỰC HÀNH CÓ THỂ TIẾP NHẬN ĐỂ HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH: 1060 người.

Stt	Đối tượng thực hành	Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để HD thực hành
1	Bác sĩ y khoa	215
2	Bác sĩ y học cổ truyền	5
3	Bác sĩ Phục hồi chức năng	5
4	Bác sĩ răng hàm mặt	5
5	Bác sĩ chuyên khoa Hồi sức tích cực chống độc	10
6	Bác sĩ chuyên khoa Nội	105
7	Bác sĩ chuyên khoa Nhi	15
8	Bác sĩ chuyên khoa Nội tiết	5
9	Bác sĩ chuyên khoa Gây mê hồi sức	5
10	Bác sĩ chuyên khoa Ngoại	45
11	Bác sĩ chuyên khoa Phụ sản	35
12	Bác sĩ chuyên khoa Mắt	10
13	Bác sĩ chuyên khoa Tai mũi họng	5
14	Bác sĩ chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	5
15	Điều dưỡng	150
16	Y sĩ đa khoa	235
17	Y sĩ YHCT	5
18	Hộ sinh	110
19	Kỹ thuật viên xét nghiệm	20
20	Kỹ thuật viên hình ảnh y học	20

Stt	Đối tượng thực hành	Số lượng người thực hành có thể tiến nhận để HD thực hành
21	Kỹ thuật phục hồi chức năng	15
22	Kỹ thuật viên phục hình răng	5
23	Kỹ thuật viên khúc xạ nhãn khoa	10
24	Cấp cứu ngoại viện	20
Tổng cộng: 1060		

5. CHI PHÍ HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH:

- Đối với người thực hành là nhân viên bệnh viện: Không thu phí.

- Đối với người thực hành không là nhân viên bệnh viện:

+ **2.000.000** đồng/tháng/đối tượng có trình độ từ đại học trở lên.

+ **1.500.000** đồng/tháng/đối tượng có trình độ trung cấp, cao đẳng.

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Tài liệu gửi kèm theo Bản công bố (nếu có): Sơ đồ tổ chức bệnh viện, danh mục kỹ thuật được phê duyệt, bằng cấp, CCHN của những người hướng dẫn thực hành.

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ

(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN



Phan Thanh Tâm

PHU LỤC:

DANH SÁCH NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA TÂY NINH

STT	Khoa	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Số giấy phép hành nghề/Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn	Đối tượng hướng dẫn
1	GĐ	Phan Thanh Tâm	Bác sĩ CKII-QLYT, ThsBS Mắt	0001717/TNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	Giám đốc bệnh viện	Bác sĩ chuyên khoa Mắt
2	P.KHTH	Lý Ngọc Phước	Bác sĩ Đa khoa	2459/TNI-CCHN	Khám chữa bệnh nội Khoa	Trưởng, Phó P.KHTH	BS y khoa, BS chuyên khoa nội
3	P.KHTH	Lê Thị Diễm Phương	BSCKII, Răng Hàm Mặt	21015/HCM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt	Bác sĩ CKII, RHM Phó P.KHTH	Bác sĩ chuyên khoa Răng Hàm Mặt
4	Cấp cứu	Văn Thế Nghiêm	BSCKI Ngoại Nội	0001114/TNI - CCHN	Khám chữa bệnh Ngoại Khoa	Phó khoa Khoa Cấp Cứu	BS y khoa, BS chuyên khoa ngoại
5	Cấp cứu	Phạm Thị Thu Huyền	CNDD	0001162/TNI-CCHN	Kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và kỹ thuật điều dưỡng chuyên khoa	DDT	Điều dưỡng
6	Cấp cứu	Tôn Văn Ly	BSCKI Nội tổng quát	003122/TNI - CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa, không làm thủ thuật chuyên khoa	Phó khoa Khoa Cấp Cứu	BS y khoa, BS chuyên khoa nội
7	Cấp cứu	Huỳnh Văn Ái	BSCKI Nội tổng quát	0001560/TNI - CCHN	Khám chữa bệnh Nội tổng hợp	Bác sĩ khoa Khoa Cấp Cứu	BS y khoa, BS chuyên khoa nội, cấp cứu ngoại viện
8	Cấp cứu	Lê Nữ Ái Nhân	CNDD	0001162/TNI-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Nhân viên khoa	Điều dưỡng
9	HSTCCD	Lâm Duy Tấn	BSCKI Hồi sức cấp cứu	003148/TNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa, chuyên khoa hồi sức cấp cứu	Bác sĩ Trưởng khoa Khoa HSTCCD	BS y khoa, BS chuyên khoa nội,BS chuyên khoa Hồi sức cấp cứu, cấp cứu viên ngoại viện
10	HSTCCD	Trần Lâm Nguyệt Thar	BSCKI Nội tiết	3127/TNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa, chuyên khoa Nội tiết	Bác sĩ Phó Trưởng khoa Khoa HSTCCD	BS y khoa, BS chuyên khoa nội,BS chuyên khoa Nội tiết
11	HSTCCD	Phan Minh Nhựt	BSCKI Hồi sức cấp cứu	3593/TNI-CCHN	Khám, chữa bệnh nội khoa, chuyên khoa hồi sức cấp cứu	Bác sĩ Khoa HSTCCD	BS y khoa, BS chuyên khoa nội,BS chuyên khoa Hồi sức cấp cứu, cấp cứu viên ngoại viện
12	HSTCCD	Vô Thị Mỹ Hiền	CNDD	0001121/TNI-CCHN	Kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và kỹ thuật điều dưỡng chuyên khoa	Điều dưỡng trưởng khoa HSTCCD	Điều dưỡng

STT	Khoa	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Số giấy phép hành nghề/Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn	Đối tượng hướng dẫn
13	HSTCCĐ	Hà Thị Hồng Nhung	CNDD	2554/TNI-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng khoa HSTCCĐ	Điều dưỡng
14	HSTCCĐ	Huỳnh Thị Dân Nhi	Bác sĩ	3848/TNI-CCHN	Khám, chữa bệnh nội khoa	Bác sĩ Khoa HSTCCĐ	BS y khoa, BS chuyên khoa nội, BS chuyên khoa Hồi sức cấp cứu
15	HSTCCĐ	Lưu Thị Thu Hiền	Bác sĩ	3191/TNI-CCHN	Khám, chữa bệnh nội khoa	Bác sĩ Khoa HSTCCĐ	BS y khoa, BS chuyên khoa nội
16	HSTCCĐ	Hồ Quốc Hưng	BSCKI Nội	003398/HCM-CCHN	Khám, chữa bệnh nội khoa, chuyên khoa Nội	Bác sĩ Khoa HSTCCĐ	BS y khoa, BS chuyên khoa nội
17	HSTCCĐ	Trần Trọng Nguyễn	Bác sĩ	4100/TNI-CCHN	Khám, chữa bệnh nội khoa	Bác sĩ Khoa HSTCCĐ	BS y khoa, BS chuyên khoa nội
18	HSTCCĐ	Nguyễn Quốc Dương	CDDĐ	2529/TNI-CCHN	Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản	Điều dưỡng khoa HSTCCĐ	Điều dưỡng
19	HSTCCĐ	Trần Văn Hoài	CDDĐ	4055/TNI-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng khoa HSTCCĐ	Điều dưỡng
20	HSTCCĐ	Mai Kim Trinh	CDDĐ	3584/TNI-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng khoa HSTCCĐ	Điều dưỡng
21	HSTCCĐ	Lê Thị Hồng Nhung	CNDD	2521/TNI-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng khoa HSTCCĐ	Điều dưỡng
22	HSTCCĐ	Ngô Thị Thu Hương	CNDD	1174/TNI-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng khoa HSTCCĐ	Điều dưỡng

STT	Khoa	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Số giấy phép hành nghề/Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn	Đối tượng hướng dẫn
23	HSTCCĐ	Diệp Thị Tuyết Mai	CNĐĐ	1161/TNI-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng khoa HSTCCĐ	Điều dưỡng
24	HSTCCĐ	Phạm Thị Thanh	CNĐĐ	1165/TNI-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng khoa HSTCCĐ	Điều dưỡng
25	HSTCCĐ	Võ Tô Ngọc Lan	CĐDD	2492/TNI-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng khoa HSTCCĐ	Điều dưỡng
26	Nội A	Nhữ Vĩnh Liêm	BSCKI Nội khoa	2657/TNI-CCHN	Khám chữa bệnh Nội tổng hợp	Trưởng khoa Nội A	BS Y khoa, BS chuyên khoa nội
27	Nội A	Trần Thị Lệ Nương	CNĐĐ	1583/TNI-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng trưởng khoa Nội A	Điều dưỡng
28	Nội A	Trần Thị Bích Sơn	CNĐĐ	4344/TNI-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Nhân viên	Điều dưỡng
29	Nội A	Nguyễn Thị Ngọc Bích	BS đa khoa	3578/TNI-CCHN	Khám chữa bệnh nội khoa, không làm thủ thuật chuyên khoa	Phó trưởng khoa	BS Y khoa, BS chuyên khoa nội
30	Nội A	Lê Văn Hiệp	BS đa khoa	4260/TNI-CCHN	Khám, chữa bệnh nội khoa	Nhân viên	BS Y khoa, BS chuyên khoa nội
31	Nội A	Trần Phúc Hữu	BS đa khoa	4299/TNI-CCHN	Khám, chữa bệnh nội khoa	Nhân viên	BS Y khoa, BS chuyên khoa nội
32	Nội B	Lê Thị Hồng Mai	BSCKII	0001476/TNI-CCHN	Khám chữa bệnh Nội tổng hợp	Trưởng Khoa Nội TH	BS Y khoa, BS chuyên khoa nội
33	Nội B	La Đức Huy	BSCKI	3641/TNI-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên Khoa Nội	Phó khoa Khoa Nội TH	BS y khoa, BS chuyên khoa nội

STT	Khoa	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Số giấy phép hành nghề/Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn	Đối tượng hướng dẫn
34	Nội B	Nguyễn Kim Ngọc	Đại học điều dưỡng	2583/TNI-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyển môn theo Quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng khoa Nội TH	Điều dưỡng
35	Nội B	Nguyễn Thị Ánh Kiều	Trung cấp điều dưỡng	4069/TNI-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyển môn theo Quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng khoa Nội TH	Điều dưỡng
36	Nội C	Trịnh Thanh Sơn	Thạc sĩ Nội khoa	003189/TNI-CCHN	Khám chữa bệnh nội khoa, không làm thủ thuật chuyên khoa	Khoa Nội Tim mạch	BS y khoa, BS chuyên khoa nội
37	Nội C	Phạm Thanh Vũ	BSCKI Nội Khoa	0002661/TNI_CCHN	Khám chữa bệnh Nội khoa	Q. Trưởng khoa	BS y khoa, BS chuyên khoa nội
38	Nội C	Trần Vũ	BSCKI	000239/TNI_CCHN	Khám chữa bệnh Đa khoa	Khoa Nội Tim Mạch	BS y khoa, BS chuyên khoa nội
40	Nội C	Bùi Thị Thu Hương	ĐDCKI	001615/TNI_CCHN	kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và kỹ thuật điều dưỡng chuyên khoa	DDT	Điều dưỡng
41	Nội C	Bạch Quế Anh	CNDD	2596/TNI-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyển môn theo Quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Khoa Nội Tim Mạch	Điều dưỡng
42	NTQ	Lê Văn Mới	BS Ngoại tổng quát	2457/TNI-CCHN	Khám, chữa bệnh ngoại khoa	Phó trưởng Khoa Khoa Ngoại TQ	BS y khoa, BS chuyên khoa ngoại
43	NTQ	Lê Thị Trúc Vân	Cử nhân điều dưỡng	1118/TNI-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyển môn theo Quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng trưởng khoa Ngoại tổng quát	điều dưỡng
44	NTQ	Đỗ Gia Luân	BS chuyên khoa Ngoại tổng quát	3692/TNI-CCHN	Khám, chữa bệnh ngoại khoa	Bác sĩ điều trị	BS y khoa, BS chuyên khoa ngoại
45	CTCH	Phan Dương Minh	BSCKI Ngoại CTCH	0001222/TNI-CCHN	Khám, chữa bệnh chuyên khoa ngoại CTCH	Trưởng Khoa Khoa Ngoại CTCH	BS y khoa, BS chuyên khoa ngoại, Cấp cứu ngoại viện

STT	Khoa	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Số giấy phép hành nghề/Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn	Đối tượng hướng dẫn
46	CTCH	Nguyễn Thị Kim Trang	Điều dưỡng CKI	1231/TNI-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV NGÀY 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	ĐIỀU DƯỠNG TRƯỞNG KHOA	Điều dưỡng
47	CTCH	Phan Hồng Ngọc	CNĐDD	2584/TNI-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV NGÀY 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Nhân viên	Điều dưỡng
48	CTCH	Lê Thị Hồng Thu	CNĐDD	2576/TNI-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV NGÀY 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Nhân viên	Điều dưỡng
49	CTCH	Nguyễn Thành Trung	BSCKI Ngoại CTCH	3119/TNI-CCHN	Khám, chữa bệnh chuyên khoa ngoại	Phó Khoa Ngoại CTCH	Bs y khoa, Bs chuyên ngoại khoa
50	CTCH	Trần Huỳnh Duy	Bác sĩ	4310/TNI-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa ngoại	Bác sĩ khoa Khoa CTCH	BS y khoa, BS chuyên khoa ngoại
51	NTK	Hồ Thị Kim Mỹ	CNĐDD	2834/TNI-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng trưởng khoa NTK	Điều dưỡng
52	NTK	Hoàng Xuân Tùng	CKI ngoại tổng quát	1217/TNI-CCHN	Khám chữa bệnh ngoại khoa	BSTK	Bs y khoa, BS chuyên khoa ngoại
53	NTK	Mạc Đăng Ninh	CKI ngoại thần kinh	0001146/TNI-CCHN	Khám chữa bệnh ngoại khoa	BS điều trị	Bs y khoa, BS chuyên khoa ngoại
54	NTK	Trần Duy Khiêm	Bác sĩ đa khoa	00000093/ĐNAI-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa ngoại	Bs điều trị	Bs y khoa, BS chuyên khoa ngoại
55	Nhi	Võ Thị Ánh Hà	BS CKI Nhi	1679/TNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nhi	Trưởng Khoa Khoa Nhi	BS y khoa, BS chuyên khoa Nhi
56	Nhi	Nguyễn Thị Kim Tuyền	BS CKI Nhi	4174/TNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nhi	Bác sĩ điều trị	BS y khoa, BS chuyên khoa Nhi

STT	Khoa	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Số giấy phép hành nghề/Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn	Đối tượng hướng dẫn
57	Nhi	Võ Lệ Hằng	CNDD	1674/TNI-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV NGÀY 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng trưởng khoa	Điều dưỡng
58	Nhi	Trần Hoàng Nam	BS CK1 Nhi	4301/TNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nhi	Bác sĩ điều trị	BS y khoa, BS chuyên khoa Nhi
59	Nhi	Phạm Thị Quyên	CNDD	1665/TNI-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV NGÀY 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Nhân viên	Điều dưỡng
60	Nhiễm	Ngô Tấn Khương	BSCKI, NỘI	0002454/TNI-CCHN	Khám, chữa bệnh nội khoa	Phó Khoa Nhiễm	BS Y khoa,BS chuyên khoa Nội
61	Nhiễm	Nguyễn Thị Thanh Thứ	CNDD	1727/TNI-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 Quy định mã số , tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	ĐIỀU DƯỠNG TRƯỞNG KHOA NHIỄM	ĐIỀU DƯỠNG
62	PT-GMHS	Trang Anh Dũng	BS CKII	2363/TNI-CCHN	Khám chữa bệnh gây mê hồi sức	PGĐ thường trực	BS y khoa, chuyên khoa Gây mê hồi sức
63	PT-GMHS	Huỳnh Văn Đặng	CNGMHS	2353/TNI-CCHN	Thực hiện các kĩ thuật về gây mê hồi sức	Phó trưởng khoa PTGMHS	Kỹ thuật viên gây mê
64	PT-GMHS	Võ Thị Cẩm Vân	CNDD	2286/TNI-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng trưởng khoa PTGMHS	Điều dưỡng
65	Sản	Nguyễn Hoài Thanh	BSCKI sản khoa	1596/TNI-CCHN	Khám sản phụ khoa	Trưởng Khoa Khoa Sản	BS y khoa, BS chuyên khoa sản
66	Sản	Nguyễn Thị Quyên	BSCKI sản khoa	000899/TNI-CCHN	Khám, chữa bệnh sản phụ khoa	Phó trưởng Khoa Khoa Sản	BS y khoa, BS chuyên khoa sản
67	Sản	Nguyễn Thị Kim Anh	BSCKII sản khoa	1813/TNI - CCHN	Khám, chữa bệnh sản phụ khoa	Phó trưởng Khoa Khoa Sản	BS y khoa, BS chuyên khoa sản
68	Sản	Lê Thị Hồng Nhung	BSCKI sản khoa	2957/TNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản	Bs điều trị	BS y khoa, BS chuyên khoa sản
69	Sản	Võ Hoàng Thị Lan Hư	BSCKI sản khoa	3844/TNI - CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa phụ Sản	Bs điều trị	BS y khoa, BS chuyên khoa sản

STT	Khoa	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Số giấy phép hành nghề/Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn	Đối tượng hướng dẫn
70	Sản	Bùi Thị Thùy Dung	BSDK	4064/TNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản	Bs điều trị	BS y khoa, BS chuyên khoa sản
71	Sản	Huỳnh Văn Tuấn	BSDK	4053/TNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản	Bs điều trị	BS y khoa, BS chuyên khoa sản
72	Sản	Phí Thị Gái	Cử nhân hộ sinh	1571/TNI - CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Nữ hộ sinh Trưởng Khoa Sản	Nữ hộ sinh
73	Sản	Lê Thị Tuyết Lê	Cử nhân hộ sinh	1628/TNI-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Hộ sinh hạng III	Nữ hộ sinh
74	Sản	Trần Thị Kim Khuy	Cử nhân hộ sinh	1514/TNI-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Hộ sinh hạng III	Nữ hộ sinh
75	Sản	Đỗ Thị Yến Trinh	Cử nhân hộ sinh	1710/TNI-CCHN	Khám thai, quản lý thai và đặt vòng tránh thai	Hộ sinh hạng III	Nữ hộ sinh
76	Sản	Lê Ngọc Thành	Cử nhân hộ sinh	1528/TNI-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Hộ sinh hạng III	Nữ hộ sinh
77	Sản	Hoàng Thị Thanh Tâm	Cử nhân hộ sinh	1627/TNI-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Hộ sinh hạng III	Nữ hộ sinh

STT	Khoa	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Số giấy phép hành nghề/Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn	Đối tượng hướng dẫn
78	Sản	Nguyễn Thị Bạch Tuyết	Cử nhân hộ sinh	1613/TNI-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Hộ sinh hạng III	Nữ hộ sinh
79	Sản	Huỳnh Thị Nhung	Cử nhân hộ sinh	1535/TNI-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Hộ sinh hạng III	Nữ hộ sinh
80	Sản	Nguyễn Thị Huệ	Cử nhân hộ sinh	2556/TNI-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Hộ sinh hạng III	Nữ hộ sinh
81	Sản	Trần Thị Quý Nương	Cử nhân hộ sinh	3283/TNI-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Hộ sinh hạng III	Nữ hộ sinh
82	Sản	Nguyễn Thị Hồng Nhi	Cử nhân hộ sinh	1536/TNI-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Hộ sinh hạng III	Nữ hộ sinh
83	Sản	Đặng Thị Cẩm Tường	Cử nhân hộ sinh	288/TNI-CCHN	Khám thai, quản lý thai và đặt vòng tránh thai	Hộ sinh hạng III	Nữ hộ sinh
84	Sản	Nguyễn Thị Ngọc Tốt	Cử nhân hộ sinh	2379/TNI-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Hộ sinh hạng III	Nữ hộ sinh

STT	Khoa	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Số giấy phép hành nghề/Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn	Đối tượng hướng dẫn
85	Sân	Hồ Mỹ Ngọc	Cử nhân hộ sinh	1510/TNI-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Hộ sinh hạng III	Nữ hộ sinh
86	Sân	Dương Thị Thảo Linh	Cử nhân hộ sinh	0002670/TNI-CCHN	Khám thai, quản lý thai và đặt vòng tránh thai	Hộ sinh hạng III	Nữ hộ sinh
87	LCK	Nguyễn Thị Ngọc Linh	Bác sĩ CKI Tai Mũi họng	003121/TNI-CCHN và 2715/QĐ-SYT	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Tai mũi họng	Bác sĩ LCK	Bác sĩ y khoa, Bác sĩ chuyên Tai mũi họng
88	LCK	Lê Thị Mỹ Loan	Bác sĩ nội trú Mắt	3301/TNI-CCHN VÀ 484/QĐ-SYT	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Mắt	Bác sĩ LCK	Bác sĩ y khoa, Bác sĩ chuyên Mắt
89	LCK	Lê Thị Diệu Loan	CNDD	1198/TNI-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	ĐDT khoa LCK	Điều dưỡng
90	LCK	Trần Thị Phương Anh	CNDD	0002813/TNI-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn điều dưỡng chuyên khoa mắt	ĐD khoa LCK	Điều dưỡng
91	CDHA	Nguyễn Đức Thái Bình	BSCKI	4076/TNI-CCHN và 603/QĐ-SYT	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa, chuyên khoa CDHA	bác sĩ Khoa Chẩn đoán hình ảnh	BS y khoa, bs chuyên khoa nội, BS chuyên khoa CDHA
92	CDHA	Trịnh Thị Mỹ Dung	CNDD	1258/TNI-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng trưởng khoa CDHA	Điều dưỡng (Chẩn đoán hình ảnh)
93	CDHA	Nguyễn Chí Lâm	CNHA	0001630/TNI-CCHN	KTV X -Quang	CNHA	KTV Kỹ thuật hình ảnh y học
94	CDHA	Lê Xuân Lâm	CNHA	3952/TNI-CCHN	KTV hình ảnh y học	CNHA	KTV Kỹ thuật hình ảnh y học
95	XN	Hồ Thị Quới	Cử nhân xét nghiệm	1645/TNI-CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm	Kỹ thuật Y trưởng Khoa Xét nghiệm	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học
96	XN	Trần Thế Dũng	CNCKI: Xét nghiệm	002617/TNI-CCHN	Thực hiện các kỹ thuật về xét nghiệm	Phó khoa Xét nghiệm	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học
97	XN	Hồ Thị Ngọc Thạch	Cử nhân xét nghiệm Y học	3669/TNI-CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm	Nhân viên khoa xét nghiệm	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học

STT	Khoa	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Số giấy phép hành nghề/Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Vị trí chuyên môn	Đối tượng hướng dẫn
98	XN	Đoàn Gia Linh	Cử nhân xét nghiệm	2618/TNI-CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm	Nhân viên khoa xét nghiệm	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học
99	KSNK	Nguyễn Thị Ngọc Kha	Thạc sĩ QL BV, CN Điều dưỡng	0002614/TNI-CCHN	Kỹ thuật Điều dưỡng và Kỹ thuật điều dưỡng chuyên khoa	Trưởng khoa KSNK	Điều dưỡng (Kiểm soát nhiễm khuẩn)
100	KSNK	Trương Thị Hải Yến	Cử nhân điều dưỡng	0002572/TNI-CCHN	Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản	Nhân viên tổ tiết khuẩn-K.KSNK	Điều dưỡng (Kiểm soát nhiễm khuẩn)
101	KSNK	Ngô Kim Nhứt	Cử nhân điều dưỡng	0001629/TNI-CCHN	Kỹ thuật Điều dưỡng và Kỹ thuật điều dưỡng chuyên khoa	Nhân viên tổ giám sát-K.KSNK	Điều dưỡng (Kiểm soát nhiễm khuẩn)
102	KSNK	Võ Thị Phước An	CNDD	0001273/TNI-CCHN	Quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản	ĐD Trưởng	Điều dưỡng (Kiểm soát nhiễm khuẩn)
103	Khám	Nguyễn Văn Buôi	BSCKI	2276/CM-CCHN	Khám, chữa bệnh nội khoa - tâm thần	Phó Khoa	Bác sĩ y khoa, BS chuyên khoa nội, tâm lý lâm sàng
104	Khám	Hồ Thị Diễm	CNDD	1686/TNI-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Điều dưỡng trưởng khoa	Điều dưỡng
105	YHCT-PHCN	Huỳnh Thị Hiền	KTV VLTL- PHCN	0001277/TNI-CCHN và 2864/QĐ-SYT	Kỹ thuật viên VLTL-PHCN	Điều dưỡng trưởng	KTV PHCN
106	YHCT-PHCN	Nguyễn Thị Mai Tháo	BSCKI YHCT	366/TNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền	Phó Khoa Khoa YDCT-PHCN	BS YHCT, Y sĩ YHCT, KTV PHCN
107	YHCT-PHCN	Trần Đạt Văn	Bác sĩ	3507/TNI-CCHN và 1176/QĐ-SYT	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa PHCN	Bác sĩ	BS chuyên khoa Phục hồi chức năng, KTV PHCN
108	Dược	Hồ Đức Hoà	Dược sĩ CKI	0079/TNI-CCHND	Đủ ĐK hành nghề Dược theo giấy chứng chỉ	Phó trưởng khoa	Dược sĩ
109	Dược	Đào Thị Ngọc Hà	Thạc sĩ Dược	3730/CCHN-D-SYT-HCM	Xuất khẩu, nhập khẩu, bán buôn, bán lẻ được; ĐK HN theo Giấy phép	Dược sĩ	Dược sĩ
110	Dược	Trần Ngọc	Thạc sĩ Dược	1318/CCHN-D-SYT-TNI	Bán lẻ thuốc; ĐK khác theo Giấy CC	Dược sĩ	Dược sĩ
111	Dược	Nguyễn Văn Thiện	Thạc sĩ Dược	7082/CCHN-D-SYT-HCM	Xuất khẩu, nhập khẩu, bán buôn, bán lẻ được; ĐK HN theo Giấy phép	Dược sĩ	Dược sĩ
112	Dược	Châu Thanh Liêm	Dược sĩ	1317/CCHN-D-SYT-TNI	Bán lẻ thuốc; ĐK khác theo Giấy CC	Dược sĩ	Dược sĩ

SƠ ĐỒ HƯỚNG DẪN BỆNH VIỆN ĐA KHOA TÂY NINH

HƯỚNG DẪN CÁC KHỐI NHÀ

KHOA NHÀ A

TẦNG 01: KHOA CẤP CỨU - TİM MẠCH CẤP THIẾT
THU VIỆN PHÍ - TỔNG ĐÀI
TẦNG 02: KHOA NỘI DỤC TỔCĐ - THẬN NHÂN TẠO
TẦNG 03: KHOA PHẪU THUẬT GÂY MẸ HỒI DỤC

KHOA NHÀ B

TẦNG 01: PHÒNG KHÁM SƠ KHẨU - AN KHỔ
TẦNG 02: KHOA NỘI A

KHOA NHÀ C

TẦNG 01: KHOA Y DƯỢC CỔ TRUYỀN A
TẦNG 02: KHOA NỘI B

KHOA NHÀ D

TẦNG 01: RĂNG HÀM MẶT
TẦNG 02: TÀI MÔI HỒNG
TẦNG 03: MẮT

KHOA NHÀ E

TẦNG 01: KHOA DƯỢC
TẦNG 02: KHOA XÉT NGHIỆM
TẦNG 03: KHOA HẸN CHỊNH - BAN GIÁM ĐỐC

KHOA NHÀ F

TẦNG 01: KHOA NGUYÊN SỬ KHẨU
TẦNG 02: KHOA ĐƠN VỊ SẢN
TẦNG 03: KHOA SẢN

KHOA NHÀ G

KHOA CÁN S TẦNG

KHOA NHÀ H

TẦNG 01: CHỤP X-QUANG
TẦNG 02: CHỤP NHƯ ẢNH - CT 110
TẦNG 03: ĐIỀU ÁM - NỘI DỒI
TẦNG 04: KHOA DƯỢC
TẦNG 05: PHÒNG VTTTB - YT

KHOA NHÀ I

TẦNG 01: KHOA KHÁM BỆNH - THU VIỆN PHÍ
TẦNG 02: KHOA NỘI TİM MẠCH
TẦNG 03: KHOA Y DƯỢC CT - PHẠM - NỘI TỔNG HỢP
TẦNG 04: KHOA NỘI TỔNG HỢP
TẦNG 05: KHOA NỘI

KHOA NHÀ J

TẦNG 01: KHOA TRUYỀN NHỄM
TẦNG 02: KHOA NGUYÊN SỬ KHẨU
TẦNG 03: KHOA NGUYÊN SỬ KHẨU

KHOA NHÀ K

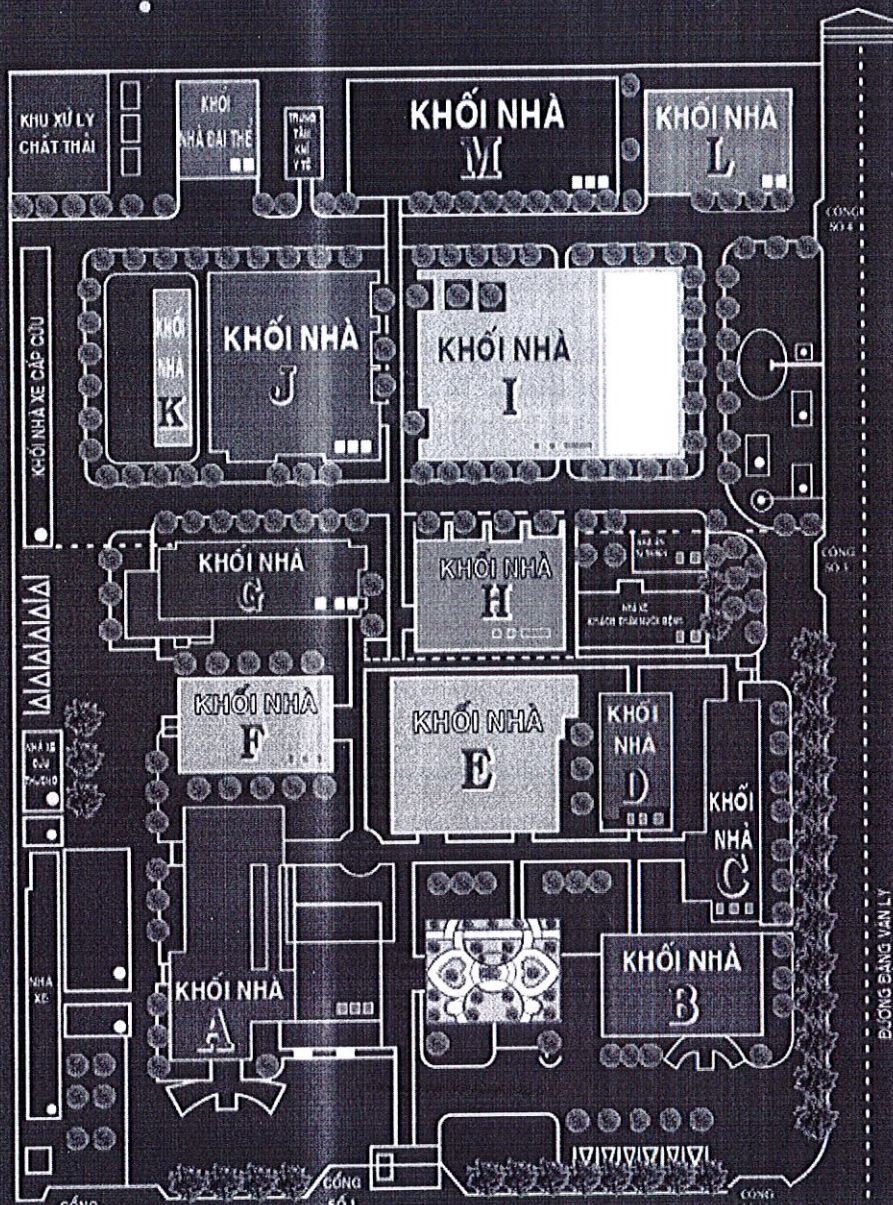
NHÀ XE MOTO NHÂN VIÊN 3 TẦNG

KHOA NHÀ L

TẦNG 01: KHOA DINH DƯỠNG
TẦNG 02: TT GIÁM ĐỊNH Y KHOA

KHOA NHÀ M

TẦNG 01: KHOA KINH
KHOA HẸN CHỊNH - XƯỞNG SỬA CHỮA
TẦNG 02: TT GIÁM ĐỊNH PHÁP Y
KHOA BỆNH AN - KHOA VTTTB
TẦNG 03: HỒ TRƯỞNG BỆNH VIỆN



CỔNG SỐ 1:

CỔNG ƯU TIÊN CHO XE CẤP CỨU
XE BỆNH NHÂN
THẬN NHÂN TẠO

CỔNG SỐ 2:

XE MOTO, OTO KHÁM
SKCB
XE OTO NHÂN VIÊN Y TẾ
VÀ LIÊN HỆ CÔNG TÁC

CỔNG SỐ 3:

KHÁM BỆNH
THĂM NUÔI BỆNH

CỔNG SỐ 04

XE MOTO, OTO NVYT

XE GIAO NHẬN
HÀNG HOÁ

XE ĐƯA ĐÓN BN- XE
TAXI

TP. TÂY NINH